

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 81/1998/ND-CP ngày 01/10/1998 về in, đúc, bảo quản, vận chuyển và tiêu hủy tiền giấy, tiền kim loại; bảo quản, vận chuyển tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống ngân hàng.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997-QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:*Chương I***QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định việc in, đúc, bảo quản, vận chuyển và tiêu hủy tiền giấy, tiền kim loại (gọi tắt là tiền); bảo quản, vận chuyển tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống ngân hàng.

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

Nghị định này điều chỉnh các đối tượng sau đây:

- Tiền giấy, tiền kim loại do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) in, đúc và phát hành;

- Tiền mẫu, tiền lưu niệm;

- Giấy tờ có giá gồm: ngân phiếu thanh toán, thương phiếu, tín phiếu, trái phiếu và các loại giấy tờ có giá khác theo quy định của pháp luật;

- Tài sản quý gồm: kim khí quý, đá quý, ngoại tệ và các loại tài sản quý khác.

Điều 3. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước

Ngân hàng Nhà nước là cơ quan tổ chức thực hiện việc in, đúc và tiêu hủy tiền; bảo quản, vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá; hướng dẫn, kiểm tra việc bảo quản, vận chuyển tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá và công tác ngân quỹ của các tổ chức tín dụng.

*Chương II***IN, ĐÚC TIỀN**

Điều 4. In, đúc thêm tiền đang lưu hành và in, đúc tiền mới chưa công bố lưu hành

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước căn cứ kế hoạch cung ứng tiền tăng thêm được Chính phủ phê duyệt, nhu cầu thanh toán của nền kinh tế, nhu cầu tiền dự trữ phát hành và nhu cầu thay thế tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông hàng năm để quyết định cơ cấu, số lượng, giá trị tiền đang lưu hành cần in, đúc thêm và giao cho các nhà máy in, đúc tiền thực hiện theo hợp đồng.

2. Ngân hàng Nhà nước xây dựng dự án in, đúc các loại tiền mới chưa công bố lưu hành để bổ sung thay thế tiền trong lưu thông trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Kèm theo dự án phải có thiết kế mẫu về mệnh giá, kích thước, trọng lượng, hình vẽ, hoa văn và các đặc điểm khác của các loại tiền giấy, tiền kim loại mới này.

Điều 5. Thiết kế mẫu tiền

1. Việc thiết kế mẫu tiền do Ngân hàng Nhà nước thực hiện và bảo đảm các yêu cầu:

a) Về hình thức: có tính thẩm mỹ cao, dễ nhận biết, phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam;

b) Về kỹ thuật: phải phù hợp với vật liệu, quy trình công nghệ chế bản và in, đúc tiền của các nhà máy; thuận tiện cho việc sử dụng và bảo quản tiền.

2. Ngân hàng Nhà nước tổ chức nghiên cứu, ứng

dụng kỹ thuật tiên tiến trong thiết kế mẫu tiền, bảo đảm cho đồng tiền bền, đẹp và có khả năng chống giả cao; phù hợp với vật liệu, công nghệ chế bản và in, đúc tiền của các nhà máy.

Điều 6. Chế bản in, đúc tiền

Chế bản in, đúc (in, đúc thử và in, đúc chính thức) các loại tiền do các nhà máy in, đúc tiền thực hiện phải tinh xảo, thể hiện đầy đủ nội dung thiết kế mẫu và phù hợp với công nghệ in, đúc tiền của mỗi nhà máy trong từng thời kỳ.

Điều 7. Tổ chức và quản lý việc in, đúc tiền

1. Việc in, đúc tiền do các nhà máy thực hiện theo hợp đồng với Ngân hàng Nhà nước.

2. Các nhà máy in, đúc tiền có nhiệm vụ:

a) Chuẩn bị các loại thiết bị, vật tư, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ cho việc in, đúc tiền theo hợp đồng;

b) Bảo đảm chất lượng tiền in, đúc ổn định theo các thông số kỹ thuật của mỗi loại tiền đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt;

c) Chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng các loại tiền đã in, đúc. Tiền thành phẩm khi giao cho Ngân hàng Nhà nước phải được đóng gói thống nhất theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

d) Lập hồ sơ theo dõi lý lịch từng loại tiền in, đúc theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

e) Tổ chức hạch toán kịp thời, chính xác việc in, đúc tiền theo quy định của pháp luật về kế toán - thống kê;

g) Tổ chức bảo quản, theo dõi riêng các loại sản phẩm in, đúc hỏng, không đúng quy cách để tiêu hủy theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện in, đúc tiền hàng năm, đồng gửi Bộ Tài chính và Bộ Công an.

Điều 8. Ban hành các quy chế

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành các quy chế về:

1. Thiết kế mẫu; làm chế bản in, đúc; quy trình công nghệ in, đúc tiền; tiêu chuẩn kỹ thuật các loại tiền;

2. Bảo mật trong việc in, đúc tiền; khóa mã an toàn trên chế bản gốc tiền giấy, tiền kim loại;

3. Mua thiết bị, vật tư, nguyên liệu, phụ liệu phục vụ việc in, đúc tiền.

Điều 9. Kiểm tra, giám sát

Bộ Tài chính có trách nhiệm:

1. Kiểm tra chứng từ, sổ sách, việc hạch toán của Ngân hàng Nhà nước về số lượng và giá trị theo mệnh giá các loại tiền in, đúc hàng năm;

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước xây dựng quy chế và trực tiếp giám sát quá trình in, đúc tiền tại các nhà máy.

Chương III

BẢO QUẢN TIỀN, TÀI SẢN QUÝ VÀ GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Điều 10. Trách nhiệm bảo quản tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá

1. Tiền mới in, đúc chưa giao cho Ngân hàng Nhà nước do các nhà máy in, đúc tiền chịu trách nhiệm bảo quản tại kho của mình theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước, các loại tiền chưa công bố lưu hành, tiền đang lưu hành (kể cả tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông), tiền đã đình chỉ lưu hành, tiền mẫu, tiền lưu niệm, tài sản quý và giấy tờ có giá do Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm bảo quản.

3. Tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá thuộc tài sản của các tổ chức tín dụng do các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm bảo quản theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 11. Xây dựng và quản lý kho tiền

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định tiêu chuẩn kỹ thuật kho tiền, chế độ quản lý

kho tiền và dịch vụ bảo quản tài sản trong hệ thống ngân hàng.

2. Ngân hàng Nhà nước được xây dựng các kho tiền trung ương và các kho tiền đặt tại chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố để bảo quản tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá do mình quản lý.

3. Các nhà máy in, đúc tiền; các tổ chức tín dụng được xây dựng hệ thống kho tiền để bảo quản tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá trong phạm vi quản lý của đơn vị mình.

Điều 12. Bảo vệ kho tiền

1. Bộ Công an có trách nhiệm bảo vệ các nhà máy in, đúc tiền; các kho tiền trung ương và các kho tiền đặt tại chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố.

2. Ủy ban nhân dân các cấp nơi có kho tiền thuộc hệ thống Ngân hàng có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ an toàn kho tiền.

Chương IV

VẬN CHUYỂN TIỀN, TÀI SẢN QUÝ VÀ GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Điều 13. Phạm vi, trách nhiệm tổ chức vận chuyển

1. Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá do mình quản lý trong phạm vi:

a) Từ các nhà máy in, đúc tiền, sân bay, bến cảng, nhà ga về các kho tiền trung ương và ngược lại;

b) Giữa các kho tiền trung ương;

c) Giữa các kho tiền trung ương với các kho tiền chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố;

d) Giữa các kho tiền chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố.

2. Tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá thuộc tài sản do mình quản lý giữa các đơn vị trong cùng

hệ thống và giữa tổ chức tín dụng với Ngân hàng Nhà nước.

Điều 14. Phương tiện vận chuyển

Ngân hàng Nhà nước được thành lập các đội xe làm nhiệm vụ vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá. Các đội xe này được trang bị xe chuyên dùng cùng các phương tiện kỹ thuật cần thiết.

Điều 15. Nguyên tắc vận chuyển

1. Việc vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng phải bảo đảm các nguyên tắc:

a) Phải có lệnh điều chuyển của cấp có thẩm quyền;

b) Vận chuyển bằng xe chuyên dùng hoặc phương tiện vận chuyển chuyên dùng;

c) Bố trí đủ nhân lực áp tải, bảo vệ trong các chuyến vận chuyển;

d) Giữ bí mật hành trình vận chuyển.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tiêu chuẩn xe, phương tiện vận chuyển và phương tiện kỹ thuật chuyên dùng; quy trình vận chuyển tiền, tài sản quý, giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng.

Điều 16. Bảo vệ việc vận chuyển

1. Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức lực lượng bảo vệ an toàn các chuyến vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu phối hợp.

2. Nghiêm cấm các trạm kiểm soát, các đội tuần tra cơ động khám xét dọc đường đối với xe và các phương tiện vận chuyển chuyên dùng đang làm nhiệm vụ vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Các cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm cấp giấy phép ưu tiên cho các phương tiện làm nhiệm vụ vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước để đi trong giờ cao điểm, qua các cầu phà và vào các đường cấm.

4. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối

hợp với Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng xử lý kịp thời những sự cố xảy ra trong các chuyển vận chuyển tiền, tài sản quý và giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng xảy ra trên địa bàn khi được thông báo.

Chương V

TIÊU HỦY TIỀN

Điều 17. Loại tiền tiêu hủy

Tiền được tiêu hủy bao gồm:

1. Các loại tiền giấy, tiền kim loại không đủ tiêu chuẩn lưu thông theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
2. Các loại tiền đã đình chỉ lưu hành.

Điều 18. Quản lý tiêu hủy tiền.

1. Hàng năm hoặc từng thời kỳ, căn cứ tồn kho các loại tiền nêu ở Điều 17, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định số lượng, giá trị của từng loại tiền phải tiêu hủy.

2. Việc tiêu hủy tiền được tiến hành thường xuyên, thời gian tiêu hủy do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định và chỉ thực hiện tại các kho tiền trung ương của Ngân hàng Nhà nước.

3. Tiền tiêu hủy phải trở thành phế liệu và không thể phục hồi để sử dụng được dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Ngân hàng Nhà nước phải hạch toán đầy đủ, chính xác tiền tiêu hủy; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả tiêu hủy tiền từng đợt và cả năm, đồng gửi Bộ Tài chính và Bộ Công an.

Điều 19. Hạch toán tiền bán phế liệu

Tiền thu từ bán phế liệu tiêu hủy tiền được hạch toán vào khoản thu nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 20. Tổ chức tiêu hủy tiền

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy

chế tiêu hủy tiền; thành lập bộ máy chuyên trách để tổ chức tiêu hủy tiền.

Điều 21. Giám sát tiêu hủy tiền

1. Bộ Tài chính chủ trì, cùng với Bộ Công an và Ngân hàng Nhà nước xây dựng quy chế giám sát và cử cán bộ giám sát quá trình tiêu hủy tiền; xác nhận kết quả tiêu hủy tiền của Ngân hàng Nhà nước.

2. Bộ Tài chính kiểm tra chứng từ, sổ sách hạch toán của Ngân hàng Nhà nước về tiêu hủy tiền hàng năm.

Chương VI

CHI PHÍ IN, ĐÚC, BẢO QUẢN, VẬN CHUYỂN VÀ TIÊU HỦY TIỀN

Điều 22. Chi phí thường xuyên

Chi phí thường xuyên hàng năm cho việc in, đúc, bảo quản, vận chuyển và tiêu hủy các loại tiền được thực hiện và quản lý theo chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 23. Chi phí in, đúc tiền mới

Chi phí liên quan đến việc in, đúc các loại tiền mới chưa công bố lưu hành để bổ sung, thay thế cơ cấu tiền trong lưu thông được hạch toán riêng theo dự án được Chính phủ phê duyệt. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý, kiểm tra theo chế độ bảo mật và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về nội dung và tính chất các khoản chi, đồng gửi Bộ Tài chính.

Điều 24. Kiểm tra chi tiêu

Bộ Tài chính kiểm tra việc thực hiện chi tiêu cho công tác in, đúc, bảo quản, vận chuyển và tiêu hủy tiền của Ngân hàng Nhà nước.

Chương VII

TIỀN MẪU, TIỀN LƯU NIỆM

Điều 25. Tiền mẫu

1. Tiền mẫu là đồng tiền chính thức của Việt Nam, có thêm chữ "tiền mẫu" hoặc chữ "Specimen". Tiền mẫu được dùng làm chuẩn để đối chứng trong nghiệp vụ phát hành tiền và không có giá trị làm phương tiện thanh toán trong lưu thông.

2. Ngân hàng Nhà nước có thể bán tiền mẫu cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dùng làm vật đối chứng, sưu tập hoặc lưu niệm.

Điều 26. Tiền lưu niệm

1. Tiền lưu niệm là đồng tiền tượng trưng không có giá trị làm phương tiện thanh toán, được phát hành cho mục đích sưu tập, lưu niệm hoặc mục đích khác.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt mẫu thiết kế, quyết định chất liệu, mệnh giá và số lượng các loại tiền lưu niệm cần in, đúc.

3. Ngân hàng Nhà nước tự tổ chức sản xuất hoặc hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước sản xuất và tiêu thụ tiền lưu niệm.

Điều 27. Quản lý tiền mẫu, tiền lưu niệm

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy chế quản lý tiền mẫu, tiền lưu niệm.

2. Các khoản thu - chi về sản xuất, tiêu thụ tiền mẫu, tiền lưu niệm được hạch toán vào thu - chi nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 28. Khen thưởng

Hàng năm Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

Điều 29. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Nghị định này, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những văn bản trước đây trái với Nghị định này đều hết hiệu lực.

Điều 31. Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 82/1998/ND-CP ngày 03/10/1998 về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997, Luật các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,

09664792

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com